**BÀI 2. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VÀ PHẠM VI LÃNH THỔ**

**Câu 1**. Khung hệ tọa độ địa lí của nước ta trên đất liền tại điểm cực Bắc ở vĩ độ
A. 23°23'B. B. 23°24'B. C. 23°25'B. D. 23°26'B.

**Câu 2.** Khung hệ tọa độ địa lí của nước ta trên đất liền tại điểm cực Nam ở vĩ độ
A. 8°34'B. B. 8°36'B. C. 8°37'B. D. 8°38'B.

**Câu 3**. Đại bộ phận lãnh thổ nước ta nằm trong khu vực múi giờ thứ
A. 6. B. 7. C. 8. D. 9.

**Câu 4.** Tổng diện tích phần đất của nước ta (theo Niên giám thống kê 2006) là
A. 331 211 km². B. 331 212 km².

C. 331 213 km². D. 331 214 km².

**Câu 5**. Việc thông thương qua lại giữa nước ta với các nước láng giềng chỉ có thể tiến hành thuận lợi
ở một số cửa khẩu vì
A. phần lớn biên giới nước ta nằm ở vùng núi.
B. phần lớn biên giới chạy theo các đỉnh núi, các hẻm núi.
C. cửa khẩu là nơi có địa hình thuận lợi cho qua lại.
D. thuận tiện cho việc đảm bảo an ninh quốc gia.

**Câu 6.** Dựa vào Atlat Địa lý Việt Nam, xác định **c**ửa khẩu nào sau đây nằm trên đường biên giới Việt Nam – Lào?
A. Móng Cái. B. Hữu Nghị. C. Đồng Văn. D. Lao Bảo.

**Câu 7.** Dựa vào Atlat Địa lý Việt Nam, xác định **c**ửa khẩu nào sau đây nằm trên đường biên giới

Việt – Trung?
A. Cầu Treo. B. Lào Cai.

C. Mộc Bài. D. Vĩnh Xương.

**Câu 8**. Xác định chiều dài củađường bờ biển nước ta?
A. 3260 km. B. 3270 km. C. 2360 km. D. 3460 km.

**Câu 9.** Dựa vào Atlat Địa lý Việt Nam, xác định hai Quần đảo của nước ta nằm ở ngoài khơi xa trên Biển Đông là
A. Hoàng Sa, Trường Sa. B. Thổ Chu, Nam Du.

C. Trường Sa, Côn Đảo. D. Hoàng Sa, Thổ Chu.

**Câu 10**. Nội thủy là
A. vùng nước tiếp giáp với đất liền, ở phía trong đường cơ sở.
B. có chiều rộng 12 hải lí.
C. tiếp liền với lãnh hải và hợp với lãnh hải thành vùng biển rộng 200 hải lí.
D. nước ở phía ngoài đường cơ sở với chiều rộng 12 hải lí.

**Câu 11.** Vùng biển, tại đó Nhà nước ta có chủ quyền hoàn toàn về kinh tế nhưng các nước khác được đặt ống dẫn dầu, dây cáp ngầm và tàu thuyền, máy bay nước ngoài được tự do hoạt động về hàng hải và hàng không theo công ước quốc tế quy định, được gọi là
A. Nội thủy. B. Lãnh hải.
C. Vùng tiếp giáp lãnh hải. D. Vùng đặc quyền kinh tế.

**Câu 12.** Phần ngầm dưới biển và lòng đất dưới đáy biển thuộc phần lục địa kéo dài, mở rộng ra ngoài
lãnh hải cho đến bờ ngoài của rìa lục địa, có độ sâu khoảng 200m hoặc hơn nữa, được gọi là
A. Lãnh hải. B. Thềm lục địa.
C. Vùng tiếp giáp lãnh hải. D. Vùng đặc quyền kinh tế.

**Câu 13.** Nước ta có vị trí nằm hoàn toàn trong vùng nhiệt đới ở bán cầu Bắc, trong khu vực ảnh
hưởng của chế độ gió Mậu dịch và gió mùa châu Á, nên
A. có nhiều tài nguyên khoáng sản. B. có nhiều tài nguyên sinh vật quý giá.
C. khí hậu có hai mùa rõ rệt. D. thảm thực vật bốn mùa xanh tốt.

**Câu 14.** Nước ta có nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú là do vị trí địa lí
A. tiếp giáp với biển Đông.
B. nằm liền kề với vành đai sinh khoáng Thái Bình Dương và Địa Trung Hải.
C. trên đường di lưu và di cư của nhiều loài động, thực vật.
D. ở khu vực gió mùa điển hình nhất thế giới.

**Câu 15.** Vùng đất Việt Nam gồm
A. phần đất liền giáp biển.
B. toàn bộ phần đất liền và các hải đảo.
C. phần được giới hạn bởi các đường biên giới và đường bờ biển.
D. các hải đảo và vùng đồng bằng ven biển.

**Câu 16**. Do nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nhiệt đới ở Bán cầu Bắc, nên
A. khí hậu có hai mùa rõ rệt: mùa đông bớt nóng, khô và mùa hạ nóng, mưa nhiều.
B. nền nhiệt độ cao, các cân bức xạ quanh năm dương
C. có nhiều tài nguyên sinh vật quý giá
D. có sự phân hóa tự nhiên rõ rệt.

**Câu 17.** Nằm ở vị trí tiếp giáp giữa lục địa và đại dương trên vành đai sinh khoáng châu Á – Thái
Bình Dương, nên Việt Nam có nhiều
A. tài nguyên sinh vật quý giá. B. tài nguyên khoáng sản.
C. bão và lũ lụt. D. vùng tự nhiên khác nhau trên lãnh thổ.

**Câu 18.** Nhờ tiếp giáp biển nên nước ta có
A. nền nhiệt độ cao, nhiều ánh nắng. B. khí hậu có hai mùa rõ rệt.
C. thiên nhiên xanh tốt, giàu sức sống. D. nhiều tài nguyên khoáng sản và sinh vật.

**Câu 19.** Một hải lí tương ứng với bao nhiêu mét (m)?
A. 1851m. B. 1852m. C. 1853m. D. 1854m.

**Câu 20.** Đường biên giới trên đất liền Việt Nam – Trung Quốc dài khoảng (km)?:
A. 1400. B. 2100. C. 1100. D. 2300.

**Câu 21.** Điểm cực Tây của nước ta thuộc tỉnh nào?
A. Lai Châu. B. Điện Biên. C. Lạng Sơn. D. Hà Giang.

**Câu 22.** Đặc điểm của thiên nhiên nhiệt đới - ẩm - gió mùa của nước ta là do
A. vị trí địa lí và hình dáng lãnh thổ quy định.
B. ảnh hưởng của các luồng gió thổi theo mùa từ phương bắc xuống và từ phía nam lên.
C. sự phân hóa phức tạp của địa hình vùng núi, trung du và đồng bằng ven biển.
D. ảnh hưởng của Biển Đông cùng với các bức chắn địa hình.

**Câu 23.** Ở nước ta, loại tài nguyên có triển vọng khai thác lớn nhưng chưa được chú ý đúng mức?
A. Tài nguyên đất. B. Tài nguyên biển.
C. Tài nguyên rừng. D. Tài nguyên khoáng sản.

**Câu 24.** Ở nước ta, khai thác tổng hợp giá trị kinh tế của mạng lưới sông ngòi dày đặc cùng với lượng
nước phong phú là thế mạnh của
A. ngành công nghiệp năng lượng; ngành nông nghiệp và giao thông vận tải, du lịch.
B. ngành khai thác, nuôi trồng và chế biển thủy sản nước ngọt.
C. ngành giao thông vận tải và du lịch.
D. Ngành trồng cây lương thực - thực phẩm.

**Câu 25.** Vấn đề chủ quyền biên giới quốc gia trên đất liền,Việt Nam cần tiếp tục đàm phán với
A. Trung Quốc và Lào. B. Lào và Cam-pu-chia.
C. Cam-pu-chia và Trung Quốc. D. Trung Quốc, Lào và Cam-pu-chia.

**Câu 26.** Thế mạnh của vị trí địa lí nước ta trong khu vực Đông Nam Á sẽ được phát huy cao độ nếu
biết kết hợp xây dựng các loại hình giao thông vận tải nào?
A. Đường ô tô và đường sắt. B. Đường biển và đường sắt.
C. Đường hàng không và đường biển. D. Đường ô tô và đường biển.

**Câu 27.** Quần đảo Thổ Chu thuộc tỉnh nào của nước ta?
A. Cà Mau. B. Kiên Giang.

C. Bạc Liêu. D. Sóc Trăng.

**Câu 28.** Đường biên giới trên biển giới hạn từ
A. Móng Cái đến Hà Tiên. B. Lạng Sơn đến Đất Mũi.
C. Móng Cái đến Cà Mau. D. Móng Cái đến Bạc Liêu.

**Câu 29.** Nước ta có nguồn tài nguyên sinh vật phong phú nhờ
A. lãnh thổ kéo dài từ 8º34’B đến 23º23’B nên thiên nhiên có sự phân hoá đa dạng.
B. nằm hoàn toàn trong miền nhiệt đới Bắc bán cầu thuộc khu vực châu Á gió mùa.
C. nằm ở vị trí liền kề với các vành đai sinh khoáng của thế giới.

D. nằm ở vị trí tiếp giáp giữa lục địa và đại dương, trên đường di lưu và di cư của nhiều loài sinh vật.

**Câu 30.** Đây là cảng biển mở lối ra biển thuận lợi cho vùng Đông Bắc Cam-pu-chia
A. Hải Phòng. B. Cửa Lò.

C. Đà Nẵng. D. Nha Trang.

**Câu 31.** Thiên nhiên nước ta bốn mùa xanh tốt khác hẳn với các nước có cùng độ vĩ ở Tây Nam Á và Bắc Phi là nhờ
A. nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến.
B. nước ta nằm ở trung tâm khu vực Đông Nam Á.
C. nước ta nằm ở vị trí tiếp giáp của nhiều hệ thống tự nhiên.
D. nước ta tiếp giáp Biển Đông với chiều dài bờ biển trên 3260 km.

**Câu 32.** Đường cơ sở của nước ta được xác định là
A. nằm cách bờ biển 12 hải lí.
B. nối các điểm có độ sâu 200 m.
C. nối các mũi đất xa nhất với các đảo ven bờ.
D. tính từ mức nước thủy triều cao nhất đến các đảo ven bờ.

**Câu 33**. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4-5, hãy cho biết trong số 7 tỉnh biên giới trên đất liền giáp với Trung Quốc, **không có** tỉnh nào sau đây?

A. Lạng Sơn. B. Cao Bằng. C. Bắc Kạn. D. Hà Giang.

**Câu 34**. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4-5, hãy cho biết trong số 7 tỉnh biên giới trên đất liền giáp với Trung Quốc, **không có** tỉnh nào sau đây?

A. Lạng Sơn. B. Quảng Ninh. C. Sơn La. D. Hà Giang.

**Câu 35**. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4-5, hãy cho biết trong số 10 tỉnh biên giới trên đất liền giáp với Lào, **không có** tỉnh nào sau đây?

A. Điện Biên. B. Sơn La. C. Kom Tum. D. Gia Lai.

**Câu 36**. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4-5, hãy cho biết trong số 10 tỉnh biên giới trên đất liền giáp với Lào, **không có** tỉnh nào sau đây?

A. Điện Biên. B. Sơn La. C. Kom Tum. D. Lai Châu.

**BÀI 6, 7. ĐẤT NƯỚC NHIỀU ĐỒI NÚI**
**Câu 1.** So với diện tích lãnh thổ, đồi núi nước ta chiếm
A. 5/6. B. 4/5. C. 3/4. D. 2/3.

**Câu 2**. Đặc điểm nào sau đây chứng tỏ địa hình nước ta chủ yếu là đồi núi thấp?

A. Đồi núi chiếm ¾ diện tích.
B. Đồng bằng và đồi núi thấp chiếm 85% diện tích.
C. Địa hình núi cao trên 2000m chiếm 1% diện tích.
D. Đồng bằng chiếm ¼ diện tích.

**Câu 3.** Nét nổi bật của địa hình vùng núi Đông Bắc?
A. Có địa hình cao nhất nước ta.
B. Có 3 mạch núi lớn hướng tây bắc – đông nam.
C. Địa hình đồi núi thấp chiếm phần lớn diện tích.
D. Gồm các dãy núi song song và so le hướng tây bắc – đông nam.

**Câu 4.** Phạm vi của vùng núi Tây Bắc là
A. nằm giữa sông Hồng và sông Đà. B. nằm giữa sông Đà và sông Mã.
C. nằm giữa sông Hồng và sông Cả. D. nằm giữa sông Hồng và sông Mã.

**Câu 5.** Nét nổi bật của địa hình vùng núi Tây Bắc?
A. Gồm các khối núi và cao nguyên.
B. Có nhiều dãy núi cao và đồ sộ nhất nước ta.
C. Có bốn cánh cung lớn.
D. Địa hình thấp và hẹp ngang.

**Câu 6.** Địa hình nào sau đây ứng với tên của vùng núi có các bộ phận: phía đông là dãy núi cao, đồ sộ; phía tây là địa hình núi trung bình; ở giữa thấp hơn là các dãy núi xen các sơn nguyên và cao nguyên
đá vôi?
A. Tây Bắc. B. Đông Bắc.
C. Trường Sơn Bắc. D. Trường Sơn Nam.

**Câu 7.** Đỉnh núi cao nhất Việt Nam ?
A. Tây Côn Lĩnh. B. Phanxipăng.

C. Ngọc Linh. D. Bạch Mã.

**Câu 8.** Vùng núi có các thung lũng sông lớn cùng hướng Tây Bắc – Đông Nam điển hình là
A. Đông Bắc. B. Trường Sơn Nam.
C. Trường Sơn Bắc. D. Tây Bắc.

**Câu 9.** Điểm giống nhau chủ yếu nhất giữa địa hình bán bình nguyên và đồi là
A. được hình thành do tác động của dòng chảy chia cắt các thềm phù sa cổ.
B. có cả đất phù sa cổ lẫn đất badan.
C. được nâng lên yếu trong vận động Tân Kiến Tạo.
D. nằm chuyển tiếp giữa miền núi và đồng bằng.

**Câu 10.** Địa hình thấp và hẹp ngang, nâng cao ở hai đầu là đặc điểm của vùng núi
A. Tây Bắc. B. Đông Bắc.
C. Trường Sơn Bắc. D. Trường Sơn Nam.

**Câu 11.** Điểm giống nhau chủ yếu của địa hình vùng đồi núi Tây Bắc và Đông Bắc là
A. đồi núi thấp chiếm ưu thế.
B. nghiêng theo hướng tây bắc – đông nam.
C. có nhiều sơn nguyên, cao nguyên.
D. có nhiều khối núi cao, đồ sộ.

**Câu 12**. Do có nhiều bề mặt cao nguyên rộng, nên miền núi thuận lợi cho việc hình thành các vùng
chuyên canh cây
A. lương thực. B. thực phẩm.

C. công nghiệp. D. hoa màu.

**Câu 13.** Khả năng phát triển du lịch ở miền núi bắt nguồn từ
A. nguồn khoáng sản dồi dào. B. tiềm năng thủy điện lớn.
C. phong cảnh đẹp, mát mẻ. D. địa hình đồi núi thấp.

**Câu 14.** Núi thấp ở nước ta có độ cao trung bình từ (m)
A. 500 – 1000. B. 500 – 1500.

C. 600 – 1000. D. 500 – 1200.

**Câu 15.** Đỉnh Phanxipăng cao bao nhiêu (m)?
A. 3143. B. 3134. C. 3144. D. 3343.

**Câu 16.** Đặc điểm chung của vùng đồi núi Trường Sơn Bắc là
A. có các cánh cung lớn mở ra về phía Bắc và Đông.
B. địa hình cao nhất nước ta với các dãy núi lớn , hướng tây bắc – đông nam.
C. gồm các dãy núi song song và so le theo hướng tây bắc – đông nam.
D. gồm các khối núi và các cao nguyên xếp tầng đất đỏ badan.

**Câu 17.** Độ cao núi của Trường Sơn Bắc so với Trường Sơn Nam
A. Trường Sơn Bắc có núi cao hơn Trường Sơn Nam.
B. núi ở Trường sơn Bắc chủ yếu là núi thấp và trung bình.
C. Trường Sơn Nam có đỉnh núi cao nhất là trên 3000m.
D. Trường Sơn Nam có núi cao hơn Trường Sơn Bắc và cao nhất nước.

**Câu 18**. Đồng bằng sông Hồng giống Đồng bằng sông Cửu Long ở điểm
A. do phù sa sông ngòi bồi tụ tạo nên. B. có nhiều sông ngòi, kênh rạch.
C. diện tích 40 000 km². D. có hệ thống đê sông và đê biển.

**Câu 19**. Điểm khác chủ yếu của Đồng bằng sông Hồng so với Đồng bằng sông Cửu Long là ở đồng bằng này có
A. diện tích rộng hơn Đồng bằng sông Cửu Long.
B. hệ thống đê điều chia đồng bằng thành nhiều ô.
C. hệ thống kênh rạch chằng chịt.
D. thủy triều xâm nhập gần như sâu toàn bộ đồng bằng về mùa cạn.

**Câu 20.** Ở Đồng bằng sông Cửu Long, về mùa cạn, nước triều lấn mạnh làm gần 2/3 diện tích đồng bằng bị nhiễm mặn là do
A. có mạng lưới kênh rạch chằng chịt. B. địa hình thấp và bằng phẳng.
C. có nhiều vùng trũng rộng lớn. D. biển bao bọc ba mặt đồng bằng.

**Câu 21.** Đặc điểm nào sau đây **không phải** của dải đồng bằng ven biển miền Trung?
A. Hẹp ngang.
B. Bị chia cắt thành nhiều đồng bằng nhỏ.
C. Chỉ có một số đồng bằng được mở rộng ở các cửa sông lớn.
D. Được hình thành do phù sa song bồi tụ dần trên vịnh biển nông, thềm lục địa mở rộng.

**Câu 22.** Ở đồng bằng ven biển miền Trung, từ phía biển vào, lần lượt có các dạng địa hình
A. cồn cát và đầm phá; vùng thấp trũng; vùng đã được bồi tụ thành đồng bằng.
B. vùng thấp trũng; cồn cát và đầm phá; vùng đã được bồi tụ thành đồng bằng.
C. vùng đã được bồi tụ thành đồng bằng ; cồn cát và đầm phá; vùng thấp trũng.
D. cồn cát và đầm phá; vùng đã được bồi tụ thành đồng bằng ; vùng thấp trũng.

**Câu 23.** Thiên tai bất thường, khó phòng tránh, hằng năm thường xuyên đe dọa gây hậu quả nặng nề cho vùng đồng bằng ven biển nước ta là
A. Bão. B. Sạt lỡ bờ biển.
C. Cát bay, cát chảy. D. Động đất.

**Câu 24.** Đồng bằng sông Cửu Long có đặc điểm
A. được bồi tụ phù sa của sông Hồng và sông Thái Bình.

B. bị chia cắt nhiều bởi các đê ven sông.
C. có mạng lưới sông ngòi, kênh rạch chằng chịt.

D. có các bậc ruộng cao bạc màu.

**Câu 25.** Đồng bằng Phú Yên được mở rộng ở cửa sông nào?
A. Cả. B. Thu Bồn. C. Đà Rằng. D. Mã – Chu.

**Câu 26.** Đất đai ở đồng bằng ven biển miền Trung có đặc tính nghèo, nhiều cát, ít phù sa do
A. khi hình thành đồng bằng, biển đóng vai trò chủ yếu.
B. bị xói mòn, rửa trôi mạnh trong điều kiện mưa nhiều.
C. đồng bằng nằm ở chân núi, nhận nhiều sỏi, cát trôi sông.
D. các sông miền Trung ngắn, hẹp và rất nghèo phù sa.

**Câu 27.** Thuận lợi nào sau đây **không phải** là thế mạnh của khu vực đồng bằng?
A. Là cơ sở để phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới, đa dạng các loại nông sản.
B. Cung cấp các nguồn lợi khác về thủy sản, lâm sản, khoáng sản.
C. Địa bàn thuận lộ để phát triển tập trung cây công nghiệp dài ngày.
D. Là điều kiện thuận lợi để tập trung các khu công nghiệp, thành phố.

**Câu 28**. Mỗi năm, nước triều lấn mạnh làm cho số diện tích ở đồng bằng sông Cửu Long bị nhiễm mặn
là bao nhiêu?
A. 1/3. B. 2/3. C. ¾. D. 3/2.

**Câu 29.** Đồng bằng sông Cửu Long còn được gọi là
A. Đồng bằng miền Nam. B. Đồng bằng Tây Nam Bộ.
C. Đồng bằng sông Hậu. D. Đồng bằng Chín Rồng.

**Câu 30.** Ranh giới tự nhiên của Trường Sơn Bắc và Trường Sơn Nam là dãy núi
A. Hoành Sơn. B. Bạch Mã.
C. Ngân Sơn D. Hoàng Liên Sơn.

**BÀI 8. THIÊN NHIÊN CHỊU ẢNH HƯỞNG SÂU SẮC CỦA BIỂN**

**Câu 1**. Đặc điểm nào sau đây ***không đúng*** về Biển Đông?

A. Là biển tương đối kín, được bao bọc bởi vòng cung đảo ở phía đông và đông nam.
B. Là biển nằm trong vùng nhiệt đới ẩm gió mùa.
C. Là biển lớn thứ 2 trong các biển của Thái Bình Dương.
D. Rất giàu tài nguyên khoáng sản và sinh vật.

**Câu 2**. Khu vực có thềm lục địa bị thu hẹp trên Biển Đông thuộc vùng nào ở nước ta?
A. Vịnh Bắc Bộ. B. Vịnh Thái Lan.
C. Bắc Trung Bộ. D. Nam Trung Bộ.

**Câu 3**. Ở nước ta thời tiết mùa đông bớt lạnh khô, mùa hè bớt nóng bức là do nguyên nhân nào?
A. Nằm gần xích đạo, mưa nhiều.
B. Địa hình 85% là đồi núi thấp.
C. Chịu tác động thường xuyên của gió mùa.
D. Tiếp giáp với Biển Đông (trên 3260 km bờ biển).

**Câu 4.** Biểu hiện rõ nhất đặc điểm nóng ẩm của Biển Đông là
A. thành phần sinh vật nhiệt đới chiếm ưu thế.
B. nhiệt độ nước biển khá cao và thay đổi theo mùa.
C. có các dòng hải lưu nóng hoạt động suốt năm.
D. có các luồng gió theo hướng đông nam thổi vào nước ta gây mưa.

**Câu 5.** Điểm cuối cùng của đường hải giới nước ta về phía nam là
A. Móng Cái. B. Hà Tiên. C. Rạch Giá. D. Cà Mau.

**Câu 6.** Hạn chế lớn nhất của Biển Đông là
A. tài nguyên sinh vật biển đang bị suy giảm nghiêm trọng.
B. thường xuyên hình thành các cơn bão nhiệt đới.
C. hiện tượng sóng thần do hoạt động của động đất núi lửa.
D. tác động của các cơn bão nhiệt đới và gió mùa đông bắc.

**Câu 7.** Vân Phong và Cam Ranh là hai vịnh biển thuộc tỉnh (thành) nào ở nước ta?
A. Quảng Ninh. B. Đà Nẵng.

C. Khánh Hoà. D. Bình Thuận.

**Câu 8.** Nghề làm muối phát triển mạnh ở vùng biển của nước ta?
A. Cửa Lò (Nghệ An). B. Thuận An (Thừa Thiên - Huế).
C. Sa Huỳnh (Quảng Ngãi). D. Mũi Né (Bình Thuận).

**Câu 9.** Khu vực nào có điều kiện thuận lợi nhất để xây dựng cảng biển của nước ta?
A. Vịnh Bắc Bộ. B. Vịnh Thái Lan.
C. Bắc Trung Bộ. D. Nam Trung Bộ.

**Câu 11.** Hai bể trầm tích có trữ lượng lớn nhất nước ta là
A. Sông Hồng và Trung Bộ. B. Cửu Long và Sông Hồng.
C. Nam Côn Sơn và Cửu Long. D. Nam Côn Sơn và Thổ Chu - Mã Lai.

**Câu 12.** Đặc điểm của Biển Đông có ảnh hưởng nhiều nhất đến thiên nhiên nước ta là
A. nóng, ẩm và chịu ảnh hưởng của gió mùa.
B. có diện tích lớn gần 3,5 triệu km².
C. biển kín với các hải lưu chạy khép kín.
D. có thềm lục địa mở rộng hai đầu thu hẹp ở giữa.

**Câu 13.** Vùng cực Nam Trung Bộ là nơi có nghề làm muối rất lí tưởng vì
A. không có bão lại ít chịu ảnh hưởng của gió mùa đông bắc.
B. có nhiệt độ cao, nhiều nắng, chỉ có vài sông nhỏ đổ ra biển.
C. có những hệ núi cao ăn lan ra tận biển nên bờ biển khúc khuỷu.
D. có thềm lục địa thoai thoải kéo dài sang tận Ma-lai-xi-a.

**Câu 14.** Ảnh hưởng của Biển Đông thể hiện rõ nhất và trực tiếp nhất đến
A. sinh vật nước ta. B. địa hình nước ta.
C. khí hậu nước ta. D. cảnh quan ven biển nước ta.

**Câu 15.** Độ muối của nước biển trung bình trên biển Đông là
A. 30 – 33‰ B. 31 – 33‰
C. 34 – 35‰ D. 35 – 37‰

**Câu 16.** Trung bình mỗi năm có bao nhiêu cơn bão đổ bộ trực tiếp vào nước ta?
A. 3 - 4. B. 8 - 9.
C. 6 - 7. D. 9 – 10.

**Câu 17.** Hệ sinh thái nào **không phải** là hệ sinh thái vùng ven biển nước ta?
A. Hệ sinh thái rừng ngập mặn.
B. Hệ sinh thái trên đất phèn.
C. Hệ sinh thái rừng rừng kín thường xanh.
D. Hệ sinh thái rừng trên đảo và rạn san hô.

**Câu 18.** Nhiệt độ trung bình của nước biển Đông là
A. 21°C. B. 22°C. C. 23°C. D. 24°C

**Câu 19.** Điểm nào sau đây **không đúng** khi nói về ảnh hưởng của biển Đông đối với khí hậu nước ta?
A. Biển Đông làm tăng độ ẩm của các khối khí đi qua biển.
B. Biển Đông mang lại lượng mưa và độ ẩm lớn.
C. Biển Đông làm giảm độ lục địa của các vùng phía tây đất nước.
D. Biển Đông làm tăng độ lạnh của gió mùa Đông Bắc.

**Câu 20.** Ở vùng ven biển, dạng địa hình nào sau đây thuận lợi cho nuôi trồng thủy hải sản?
A. Các tam giác châu với bãi triều rộng. B. Vịnh cửa sông.
C. Các đảo ven bờ. D. Các rạn san hô.

**Câu 21.** Đặc điểm nào sau đây **không đúng** với hệ sinh thái rừng ngập mặn?
A. Cho năng suất sinh vật cao. B. Phân bố ở ven biển.
C. Có nhiều loài cây gỗ quý hiếm. D. Giàu tài nguyên động vật.

**Câu 22.** Tài nguyên quý giá ven các đảo, nhất là hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa là
A. trên 2000 loài cá. B. các rạn san hô.
C. nhiều loài sinh vật phù du. D. hơn 100 loài tôm.

**Câu 23.** Thủy triều lên cao nhất và lấn sâu nhất ở khu vực?
A. Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ.

B. Đồng bằng ven biển Nam Trung Bộ
C. Nam Trung Bộ và Đông Nam Bộ.

D. Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 24.** Sóng biển Đông hoạt động mạnh nhất vào thời gian nào?
A. Mùa gió Đông Bắc. B. Mùa mưa.

C. Mùa khô. D. Mùa gió Tây Nam.

**Câu 25.** Hiện nay, rừng ngập mặn bị thu hẹp, chủ yếu là do
A. phá để nuôi tôm, cá và do cháy rừng.

B. chính sách bảo vệ rừng.
C. hiện tượng xâm nhập mặn xảy ra khắp nơi.

D. mưa, bão, lũ lụt kéo dài.

**Câu 26.** Đặc điểm sinh vật nhiệt đới của vùng biển Đông là
A. năng suất sinh học cao. B. ít loài quý hiếm.
C. nhiều loài đang cạn kiệt. D. tập trung theo mùa.

**Câu 27.** Tính chất nhiệt đới gió mùa của biển Đông được thể hiện qua yếu tố nào?
A. Diện tích. B. Dòng hải lưu. C. Nhiệt độ. D. Giàu ôxi.

**Câu 28.** Nhờ biển Đông, khí hậu nước ta
A. phân hóa thành 4 mùa rõ rệt.
B. mang tính hải dương, điều hòa hơn.
C. mùa hạ nóng, khô; mùa đông lạnh, mưa nhiều.
D. mang tính khắt nghiệt.

**Câu 29.** Biển Đông là biển lớn thứ mấy trong số các biển ở Thái Bình Dương?
A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

**Câu 30.** Nước ta có bao nhiêu tỉnh/ thành phố tiếp giáp với biển Đông?
A. 26. B. 27. C. 28. D. 29.

**Câu 31.** Khoáng sản có trữ lượng lớn và giá trị nhất nước ta trên biển Đông là
A. Muối biển. B. Sa khoáng. C. Cát trắng. D. Dầu khí.

**BÀI 9,10. THIÊN NHIÊN NHIỆT ĐỚI ẨM GIÓ MÙA**
**Câu 1.** Ở nước ta, nơi có chế độ khí hậu với mùa hạ nóng ẩm, mùa đông lạnh khô, hai mùa chuyển tiếp xuân thu là
A. khu vực phía nam vĩ tuyến 16ºB.

B. khu vực phía đông dãy Trường Sơn.
C. khu vực phía bắc vĩ tuyến 16ºB.

D. khu vực Tây Nguyên và Nam Bộ.

**Câu 2.** Mưa phùn ở nước ta
A. diễn ra vào nữa đầu mùa đông ở miền Bắc.
B. diễn ra vào nửa sau mùa đông ở miền Bắc.

C. diễn ra vào nữa đầu mùa đông ở vùng ven biển và đồng bằng Bắc Bộ.
D. diễn ra vào nửa sau mùa đông ở đồng bằng ven biển và đồng bằng Bắc Bộ.

**Câu 3.** Thời tiết lạnh khô xuất hiện vào thời kì nào của mùa đông ở miền Bắc nước ta?
A. Nữa đầu mùa đông. B. Giữa mùa đông.
C. Nữa sau mùa đông. D. Đầu và giữa mùa đông.

**Câu 4.** Ở đồng bằng Bắc Bộ, gió phơn xuất hiện khi nào?
A. Khối khí nhiệt đới từ Ấn Độ Dương mạnh lên vượt qua được hệ thống núi Tây Bắc.
B. Áp thấp Bắc Bộ khơi sâu tạo sức hút mạnh gió mùa Tây Nam.
C. Khối khí từ lục địa Trung Hoa đi thẳng vào nước ta sau khi vượt qua núi biên giới.
D. Khối khí nhiệt đới từ Ấn Độ Dương vượt qua dãy Trường Sơn vào nước ta.

**Câu 5.** Vào đầu mùa hạ gió mùa Tây Nam gây mưa cho khu vực nào?
A. Đồng bằng Nam Bộ.

B. Tây Nguyên và Đồng bằng Nam Bộ.
C. Phía Bắc đèo Hải Vân.

D. Trên cả nước.

**Câu 6.** Do chịu tác động của khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa nên sông ngòi nước ta có đặc điểm
A. lượng nước phân bố không đều giữa các hệ thống sông.
B. phần lớn sông chảy theo hướng tây bắc - đông nam.
C. phần lớn sông đều ngắn dốc, dễ bị lũ lụt.
D. mạng lưới dày đặc, nhiều nước, giàu phù sa và chế độ nước theo mùa.

**Câu 7.** Kiểu rừng tiêu biểu của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa là
A. rừng rậm nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh.
B. rừng gió mùa thường xanh.
C. rừng gió mùa nửa rụng lá.
D. rừng ngập mặn thường xanh ven biển.

**Câu 8.** Đặc điểm nào sau đây **không phải**là biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa?
A. Xâm thực mạnh ở miền đồi núi và bồi tụ nhanh ở đồng bằng.
B. Thiên nhiên chia làm ba dải theo chiều Đông - Tây.
C. Quá trình feralit là quá trình hình thành đất chủ yếu.
D. Hệ sinh thái rừng nhiệt đới ẩm gió mùa chiếm ưu thế.

**Câu 9.** Nhiêt độ trung bình năm của nước ta
A. lớn hơn 200C (trừ vùng núi cao).

B. nhỏ hơn 200C (trừ vùng núi cao).

C. lớn hơn 250C (trừ vùng núi cao).

D. nhỏ hơn 180C (trừ vùng núi cao).

**Câu 10.** Lượng mưa trung bình năm của nước ta dao động
A. từ 1500 - 2000mm. B. từ 1400-3000mm.

C. từ 2000 - 2500mm. D. từ 1800-2000mm.

**Câu 11.** Đặc điểm nào sau đây **không đúng** với gió mùa Đông Bắc ở nước ta?
A. Thổi liên tục trong suốt mùa đông.
B. Chỉ hoạt động ở miền Bắc.
C. Hầu như kết thúc bởi bức chắn dãy Bạch Mã.
D. Tạo nên mùa đông có 2 - 3 tháng lạnh ở miền Bắc.

**Câu 12.** Bản chất của gió mùa mùa đông là
A. khối khí xích đạo ẩm. B. khối khí chí tuyến nửa cầu Nam.
C. khối khí cực lục địa. D. khối khí vịnh Tây Bengan.

**Câu 13.** Gió mùa Tây Nam ở nước ta hoạt động trong khoảng thời gian nào?
A. Tứ tháng VII đến tháng IX. B. Từ tháng V đến thángVII.
C. Từ tháng VI đến tháng VIII. D. Từ tháng V đến tháng X.

**Câu 14.** Khí hậu được phân chia thành hai mùa khô và mùa mưa rõ rệt ở đâu?
A. Miền Bắc. B. Miền Nam.

C. Tây Bắc. D. Bắc Trung Bộ.

**Câu 15.** Nguyên nhân gây mưa lớn và kéo dài ở các vùng đón gió Nam Bộ và Tây Nguyên là do hoạt động của
A. gió mùa Tây Nam xuất phát từ áp cao cận chí tuyến bán cầu Nam.
B. gió mùa Tây Nam xuất phát từ vịnh Bengan.
C. gió Tín phong xuất phát từ áp cao cận chí tuyến nửa cầu Bắc.
D. gió Đông Bắc xuất phát từ áp cao Xibia.

**Câu 16.** Đặc điểm nào sau đây **không đúng** với mạng lưới sông ngòi nước ta?
A. Mạng lưới sông ngòi dày đặc.

B. Sông ngòi nhiều nước, giàu phù sa.
C. Chế độ nước theo mùa.

D. Có nhiều hệ thống sông lớn.

**Câu 17.** Sông ngòi nước ta có chế độ nước theo mùa là do
A. trong năm có hai mùa mưa và khô.

B. độ dốc địa hình lớn, mưa nhiều.
C. mưa nhiều trên địa hình đồi núi chiếm diện tích lớn.

D. đồi núi bị cắt xẻ, độ dốc lớn, mưa nhiều.

**Câu 18.** Quá trình feralit hóa diễn ra mạnh mẽ ở vùng nào?
A. Đồng bằng ven biển. B. Đồng bằng châu thổ sông.

C. Đồi núi cao. D. Đồi núi thấp.

**Câu 19.** Feralit là loại đất chính ở nước ta vì
A. diễn ra ở vùng đồi núi thấp trên đá mẹ axit.

B. có khí hậu nhiệt đới ẩm.
C. có 3/4 diện tích đồi núi.

D. trong năm có hai mùa mưa và khô.

**Câu 20.** Nguyên nhân làm cho đất đai nước ta dễ bị suy thoái là
A. khí hậu nhiệt ẩm cao, mưa theo mùa, địa hình nhiều đồi núi thấp.
B. địa hình nhiều đồi núi, mưa lớn và tập trung một mùa.
C. mưa theo mùa, xói mòn nhiều, địa hình nhiều đồi núi.
D. khí hậu nhiệt ẩm cao, mưa theo mùa, địa hình nhiều đồi núi.

**Câu 21.** Quá trình chính trong sự hình thành và biến đổi địa hình nước ta hiện tại là
A. xâm thực - bồi tụ. B. bồi tụ - xâm thực.
C. bồi tụ. D. xâm thực.

**Câu 22.** Tác động của địa hình xâm thực - bồi tụ mạnh đến việc sử dụng đất ở nước ta là
A. bào mòn, rửa trôi đất, làm trơ sỏi đá.
B. tạo thành địa hình cácxtơ với các hang động ngầm.
C. bề mặt địa hình bị cắt xẻ, hẻm vực, khe sâu.
D. tích tụ đất đá thành nón phóng vật ở chân núi.

**Câu 23.** Hệ sinh thái rừng nguyên sinh đặc trưng cho khí hậu nóng ẩm là
A. rừng nhiệt đới gió mùa thường xanh.
B. rừng thưa nhiệt đới khô.
C. rừng nhiệt đới gió mùa nửa rụng lá.
D. rừng rậm nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh.

**Câu 24.** Đất feralit ở nước ta thường bị chua vì
A. có sự tích tụ nhiều ôxit sắt (Fe2O3).
B. có sự tích tụ nhiều ôxit nhôm (Al2O3).
C. mưa nhiều trôi hết các chất badơ dễ tan.
D. quá trình phong hoá diễn ra với cường độ mạnh.

**Câu 25.** Nơi có lượng mưa nhiều nhất ở nước ta là
A. Hà Nội. B. Huế. C. TP. Hồ Chí Minh. D. Đà Nẵng.

.
**Câu 26.** Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa ảnh hưởng trực tiếp và rõ rệt nhất đến hoạt động sản xuất nào?
A. Nông nghiệp. B. Công nghiệp.
C. Khai thác khoáng sản. D. Dịch vụ và đời sống hàng ngày.

**Câu 27.** Nguyên nhân cơ bản làm sông ngòi nước ta có thủy chế theo mùa là

A. lượng mưa lớn. B. địa hình dốc.
C. tài nguyên rừng cạn kiệt. D. mưa theo mùa.

**Câu 28.** Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa của khí hậu nước ta đã đem đến cho sản xuất nông nghiệp
A. nhiều đồng bằng phù sa, nhiệt ẩm dồi dào, lũ bão, ngập úng, hạn hán và sâu bệnh.
B. có điều kiện thuận lợi để thâm canh, luân canh, tăng vụ.
C. phát triển các loại cây trồng có nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới.
D. phát triển nghề khai thác, nuôi trồng thủy sản.

**BÀI 11, 12. THIÊN NHIÊN PHÂN HÓA ĐA DẠNG**

**Câu 1.** Càng về phía Nam thì
A. nhiệt độ trung bình càng tăng.

B. niên độ nhiệt càng tăng.
C. nhiệt độ trung bình tháng lạnh càng giảm.

D. nhiệt độ trung bình tháng nóng càng giảm.

**Câu 2.** Đặc trưng khí hậu phần lãnh thổ phía Bắc là
A. cận nhiệt đới gió mùa có mùa đông lạnh.
B. cận xích đạo gió mùa có mùa đông lạnh.
C. nhiệt đới ẩm có mùa đông lạnh.
D. nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh.

**Câu 3.** Nguyên nhân tạo nên sự phân hóa khí hậu theo Bắc – Nam ở nước ta là
A. sự di chuyển của dải hội tụ từ Bắc vào Nam đồng thời cùng với sự suy giảm ảnh hưởng của khối khí lạnh.
B. sự tăng lượng bức xạ Mặt Trời đồng thời với sự giảm sút ảnh hưởng của khối khí lạnh về phía Nam.
C. góc nhập xạ tăng, đồng thời với sự tác động mạnh mẽ của gió mùa Đông Bắc, đặc biệt từ 16°B trở vào.
D. do càng vào Nam, càng gần xích đạo đồng thời với sự tác động mạnh mẽ của gió mùa Tây Nam.

**Câu 4.** Sự phân hóa thiên nhiên theo vĩ độ (Bắc – Nam) là do nguyên nhân chính nào?
A. Địa hình. B. Khí hậu. C. Đất đai. D. Sinh vật

**Câu 5**. Sự khác nhau về thiên nhiên giữa phần lãnh thổ phía Bắc và phần lãnh thổ phía Nam không
phải do sự khác nhau về
A. Lượng mưa. B. Số giờ nắng.
C. Lượng bức xạ. D. Nhiệt độ trung bình.

**Câu 6.** Cảnh quan tiêu biểu của phần lãnh thổ phía Bắc là
A. đới rừng gió mùa cận xích đạo. B. đới rừng xích đạo.
C. đới rừng nhiệt đới gió mùa. D. đới rừng nhiệt đới.

**Câu 7.** Đặc điểm nào sau đây **không đúng** với khí hậu của phần lãnh thổ phía Nam (từ 16°B trở
vào)?
A. Không có tháng nào nhiệt độ dưới 20°C.

B. Quanh năm nóng, nhiệt độ trung bình trên 250C.
C. Biên độ nhiệt độ trung bình năm lớn.

D. Biên độ nhiệt độ trung bình năm nhỏ.

**Câu 8.** Sự phân hóa đai địa hình: vùng biển - thềm lục địa, vùng đồng bằng ven biển và vùng đồi núi
là biểu hiện của sự phân hóa theo
A. Đông – Tây. B. Bắc – Nam. C. Đất đai. D. Sinh vật.

**Câu 9.** Đai cao nào **không có** ở miền núi nước ta?
A. Ôn đới gió mùa trên núi. B. Cận xích đạo gió mùa.
C. Nhiệt đới gió mùa chân núi. D. Cận nhiệt đới gió mùa trên núi

**Câu 10.** Nhóm đất có diện tích lớn trong đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi là
A. đất bazan. B. đất feralit.
C. đất feralit vùng đồi núi thấp. D. đất mùn núi cao.

**Câu 11.** Đặc điểm khí hậu của đai nhiệt đới gió mùa chân núi là
A. mùa hạ nóng, nhiệt độ trung bình tháng trên 25°C
B. quanh năm nhiệt độ dưới 150C..
C. độ ẩm thay đổi tùy nơi, từ ẩm ướt đến khô ráo.
D. không có tháng nào nhiệt độ trên 250C.

**Câu 12.** Khí hậu của đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi có đặc điểm
A. mát mẻ, không có tháng nào trên 25°C.
B. tổng nhiệt độ năm trên 5400°C.
C. lượng mưa giảm khi lên cao.
D. độ ẩm giảm rất nhiều so với ở chân núi.

**Câu 13.** Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ có khí hậu cận xích đạo vì hai miền này
A. nằm gần xích đạo.
B. không bị ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc.
C. tiếp giáp với vùng biển rộng lớn.
D. chủ yếu có địa hình thấp.

**Câu 14.** Khoáng sản nổi bật ở miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ là
A. Dầu khí và bôxit. B. Thiếc và khí tự nhiên
C. Vật liệu xây dựng và quặng sắt. D. Than đá và apatit.

**Câu 15.** Đây là điểm khác biệt về khí hậu giữa Duyên hải Nam Trung Bộ và Nam Bộ?
A. Mùa mưa ở Nam Trung Bộ chậm hơn.
B. Mùa mưa ở Nam Trung Bộ sớm hơn.
C. Chỉ có Nam Trung Bộ mới có khí hậu cận Xích đạo.
D. Nam Trung Bộ không chịu ảnh hưởng của phơn Tây Nam.

**Câu 16.** Ranh giới để phân chia hai miền khí hậu chính ở nước ta là
A. Đèo Ngang. B. Dãy Bạch Mã.
C. Đèo Hải Vân. D. Dãy Hoành Sơn.

**BÀI 14. SỬ DỤNG VÀ BẢO VỆ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN**

**Câu 1.** Biện pháp quan trọng nhằm bảo vệ rừng đặc dụng là
A. trồng rừng trên đất trống, đồi núi trọc.
B. bảo vệ cảnh quan, đa dạng sinh học ở các vườn quốc gia.
C. đảm bảo duy trì phát triển diện tích và chất lượng rừng.
D. có kế hoạch, biện pháp bảo vệ nuôi dưỡng rừng hiện có.

**Câu 2.** Nhận định đúng nhất về tài nguyên rừng của nước ta hiện nay là
A. tài nguyên rừng đang tiếp tục bị suy giảm cả về số lượng lẫn chất lượng.
B. dù tổng diện tích rừng đang được phục hồi nhưng chất lượng vẫn tiếp tục suy giảm.
C. tài nguyên rừng của nước ta đang được phục hồi cả về số lượng lẫn chất lượng.
D. chất lượng rừng đã được phục hồi nhưng diện tích rừng đang giảm sút nhanh.

**Câu 3.** Khu bảo tồn thiên nhiên Cần Giờ thuộc đơn vị hành chính nào?
A. Thành phố Hải Phòng. B. Thành phố Hồ Chí Minh.
C. Thành phố Cần Thơ. D. Tỉnh Cà Mau.

**Câu 4.** Nội dung chủ yếu của chiến lược quốc gia về bảo vệ tài nguyên và môi trường là
A. đảm bảo chất lượng môi trường phù hợp với yêu cầu đời sống con người.
B. đảm bảo việc bảo vệ tài nguyên môi trường đi đôi với sự phát triển bền vững.
C. cân bằng giữa phát triển dân số với khả năng sử dụng hợp lí các nguồn tài nguyên.
D. phòng, chống, khắc phục sự suy giảm môi trường, đảm bảo cho sự phát triển bền vững.

**Câu 5.** Loại đất chiếm tỉ lệ lớn nhất trong các loại đất phải cải tạo ở nước ta hiện nay là loạt đất nào?
A. Đất phèn. B. Đất mặn.
C. Đất xám bạc màu. D. Đất than bùn, glây hoá.

**Câu 6.** Luật bảo vệ môi trường được Nhà nước ta ban hành lần đầu tiên vào thời gian nào?
A. Tháng 8 - 1991. B. Tháng 1 - 1994.
C. Tháng 12 - 2003. D. Tháng 4 - 2007.

**Câu 7.** Nguyên nhân chính làm cho nguồn nước của nước ta bị ô nhiễm nghiêm trọng là
A. nông nghiệp thâm canh cao nên sử dụng quá nhiều phân hoá học, thuốc trừ sâu.
B. hầu hết nước thải của công nghiệp và đô thị đổ thẳng ra sông mà chưa qua xử lí.
C. giao thông vận tải đường thuỷ phát triển, lượng xăng dầu, chất thải trên sông nhiều.
D. việc khai thác dầu khí ở ngoài thềm lục địa và các sự cố tràn dầu trên biển.

**Câu 8.** Đối với đất ở miền núi phải bảo vệ bằng cách
A. đẩy mạnh thâm canh, bảo vệ vốn rừng.
B. nâng cao hiệu quả sử dụng, có chế độ canh tác hợp lí.
C. tăng cường bón phân, cải tạo thích hợp theo từng loại đất.
D. áp dụng tổng thể các biện pháp thuỷ lợi, canh tác nông - lâm.

**Câu 9.** Đây là biện pháp quan trọng nhằm bảo vệ sự đa dạng sinh học?
A. Đưa vào “Sách đỏ Việt Nam” những động, thực vật quý hiếm cần bảo vệ.
B. Xây dựng hệ thống vườn quốc gia và các khu bảo tồn thiên nhiên.
C. Tăng cường bảo vệ rừng và đẩy mạnh việc trồng rừng.
D. Nghiêm cấm việc khai thác rừng, săn bắn động vật.

**Câu 10.** Thời gian khô hạn kéo dài từ 4 đến 5 tháng tập trung ở
A. vùng ven biển cực Nam Trung Bộ.
B. đồng bằng Nam Bộ và vùng thấp của Tây Nguyên.
C. thung lũng khuất gió thuộc tỉnh Sơn La (Tây Bắc).
D. các vùng khuất gió như Yên Châu, Sông Mã, Lục Ngạn.

**Câu 11.** Việc bảo vệ tài nguyên rừng nước ta có ý nghĩa chủ yếu về
A. giá trị kinh tế. B. cảnh quan môi trường tự nhiên.
C. cân bằng môi trường sinh thái. D. an ninh quốc phòng.

**Câu 12.** Làm thu hẹp diện tích rừng, làm nghèo tính đa dạng của các kiểu hệ sinh thái, thành phần loài
và nguồn gen, chủ yếu là do nguyên nhân nào chủ yếu?
A. Cháy rừng và các thiên tai khác. B. Các dịch bệnh.
C. Sự khai thác bừa bãi và phá rừng. D. Chiến tranh tàn phá.

**Câu 13.** Vườn quốc gia nào sau đây **không nằm** trong danh mục khu dự trữ sinh quyển của thế giới?
A. Vườn quốc gia Cúc Phương. B. Vườn quốc gia Cát Bà.
C. Vườn quốc gia U Minh Thượng. D. Vườn quốc gia Pù Mát.

**Câu 14.** Trong quy định về khai thác, không có điều cấm về
A. khai thác gỗ quý. B. khai thác gỗ trong rừng cấm.
C. dùng chất nổ đánh bắt cá. D. săn bắn động vật trái phép.

**Câu 15.** Biện pháp để bảo vệ tài nguyên đất nông nghiệp là
A. ngăn chặn nạn du canh, du cư. B. chống suy thoái và ô nhiễm đất.
C. thực hiện kĩ thuật canh tác trên đất dốc. D. áp dụng biện pháp nông lâm kết hợp.

**Câu 16.** Nguyên nhân về mặt tự nhiên làm suy giảm tính đa dạng sinh học của nước ta?
A. Chiến tranh tàn phá các khu rừng, các hệ sinh thái.
B. Ô nhiễm môi trường.
C. Săn bắt, buôn bán trái phép các động vật hoang dã.
D. Sự biến đổi thất thường của khí hậu Trái đất gây ra nhiều thiên tai.

**Câu 17.** Nguyên nhân chủ yếu làm cho môi trường nông thôn ô nhiễm là
A. hoạt động của giao thông vận tải.
B. chất thải của các khu quần cư.
C. hoạt động của việc khai thác khoáng sản.
D. hoạt động của các cơ sở tiểu thủ công nghiệp.

**Câu 18.** Nguồn gây ô nhiễm môi trường nước trên diện rộng chủ yếu hiện nay ở nước ta là
A. chất thải của hoạt động du lịch.
B. nước thải công nghiệp và đô thị.
C. chất thải sinh hoạt của các khu dân cư.
D. lượng thuốc trừ sâu và hóa chất dư thừa trong hoạt động nông nghiệp.

**Câu 19.** Để tránh làm nghèo các hệ sinh thái rừng ngập mặn, cần
A. quản lí và kiểm soát các chất thải độc hại vào môi trường.
B. bảo vệ nguồn nước sạch chống nhiễm bẩn.
C. quản lí chặt chẽ việc khai thác, sử dụng tiết kiệm tài nguyên khoáng sản.
D. sử dụng hợp lý các vùng cửa sông, ven biển.

**Câu 20.** Bảo vệ môi trường cần tập trung ở các vùng nào?
A. Đồi núi, đồng bằng, vùng ven biển và biển.
B. Đồi núi, cao nguyên, đồng bằng và biển.
C. Đồi núi, đồng bằng và biển.
D. Đồi núi, trung du, đồng bằng và vùng biển.

**Câu 21.** Tính đa dạng sinh học của sinh vật biểu hiện ở
A. số lượng thành phần loài, các kiểu hệ sinh thái và các nguồn gen quý.
B. số lượng thành phần loài, chất lượng hệ sinh thái và các nguồn gen quý.
C. giàu thành phần loài, chất lượng hệ sinh thái và các nguồn gen quý.
D. thành phần loài có tính đa dạng, chất lượng và nhiều kiểu gen quý.

**Câu 22.** Trên biển Đông nước ta, vùng nào giàu có về nguồn hải sản?
A. Vịnh Bắc Bộ. B. Duyên hải Nam Trung Bộ.
C. Vùng biển Tây Nam. D. Bắc Trung Bộ.

**Câu 23.** Tài nguyên sinh vật nước ta có giá trị to lớn về phát triển kinh tế - xã hội, biểu hiện
A. tạo điều kiện cho phát triển du lịch sinh thái.
B. là nơi lưu giữ các nguồn gen quý.
C. chống xói mòn đất, điều hòa dòng chảy.
D. đảm bảo cân bằng nước, chống lũ lụt và khô hạn.

**Câu 24.** Sự suy giảm loài chủ yếu là
A. Chim, thú, cá. B. Bò sát, chim, thú.
C. Thú, thực vật, chim. D. Thú, chim, bò sát

**KỸ NĂNG NHẬN XÉT, PHÂN TÍCH BẢNG SỐ LIỆU VÀ KỸ NĂNG BIỂU ĐỒ**

**Câu 1.** Cho bảng số liệu:

**NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH CÁC THÁNG TẠI HÀ NỘI VÀ HUẾ NĂM 2014**

*(Đơn vị: 0C)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Địa điểm** | **Tháng** |
| **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** |
| Hà Nội | 17,7 | 17,2 | 19,9 | 25,3 | 29,3 | 30,1 | 29,5 | 28,9 | 29,2 | 27,0 | 22,9 | 17,6 |
| Huế | 18,7 | 20,4 | 23,0 | 27,2 | 29,3 | 30,3 | 29,0 | 28,6 | 27,8 | 25,2 | 24,6 | 19,7 |

*( Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, Nhà xuất bản Thống kê, 2016)*

 Theo bảng trên, nhận xét nào sau đây **không đúng** về nhiệt độ trung bình các tháng tại Hà Nội và Huế năm 2014?

A. Nhiệt độ trung bình tháng 6 cao nhất ở Hà Nội.

B. Nhiệt độ trung bình tháng 6 cao nhất ở Huế.

C. Nhiệt độ trung bình tháng 2 thấp nhất ở Hà Nội.

D. Nhiệt độ trung bình tháng 12 thấp nhất ở Huế.

**Câu 2.** Cho bảng số liệu:

**NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH CÁC THÁNG TẠI NHA TRANG VÀ ĐÀ LẠT NĂM 2014**

*(Đơn vị: 0C)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Địa điểm** | **Tháng** |
| **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** |
| Nha Trang | 23,1 | 23,8 | 26,1 | 28,2 | 29,2 | 29,4 | 29,2 | 28,4 | 28,6 | 27,4 | 26,6 | 25,0 |
| Đà Lạt | 14,8 | 16,5 | 18,4 | 18,7 | 19,9 | 19,6 | 18,9 | 18,9 | 18,8 | 18,4 | 18,1 | 17,1 |

*( Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, Nhà xuất bản Thống kê, 2016)*

 Theo bảng trên, nhận xét nào sau đây đúng về nhiệt độ trung bình các tháng tại Nha Trang và Đà Lạt năm 2014?

A. Nhiệt độ trung bình các tháng ở Nha Trang luôn thấp hơn Đà Lạt.

B. Nhiệt độ trung bình các tháng ở Nha Trang luôn cao hơn Đà Lạt.

C. Nhiệt độ trung bình các tháng tăng dần ở Nha Trang.

D. Nhiệt độ trung bình các tháng giảm dần ở Đà Lạt.

**Câu 3.** Cho bảng số liệu:

**TỔNG LƯỢNG MƯA TẠI MỘT SỐ ĐỊA ĐIỂM CỦA VIỆT NAM NĂM 2014**

 ***(****Đơn vị: mm)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Địa điểm** | **Tổng lượng mưa** |
| Lai Châu | 2267.2 |
| Sơn La | 1414,6 |
| Hà Nội | 1660,6 |
| Huế | 2309,5 |
| Đà Nẵng | 2224,1 |
| Cà Mau | 2065,7 |

 *( Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, Nhà xuất bản Thống kê, 2016)*

 Theo bảng trên, nhận xét nào sau đây đúng về tổng lượng mưa tại một số địa điểm của nước ta năm 2014?

A. Tổng lượng mưa tăng dần từ Bắc vào Nam.

B. Tổng lượng mưa giảm dần từ Bắc vào Nam.

C. Tổng lượng mưa cao nhất ở Huế.

D. Tổng lượng mưa thấp nhất ở Hà Nội.

**Câu 4.** Cho bảng số liệu:

**TỔNG LƯỢNG MƯA TẠI HÀ NỘI VÀ CÀ MAU GIAI ĐOẠN 2010 - 2014**

 ***(****Đơn vị: mm)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  **Năm****Địa điểm** | **2010** | **2011** | **2012** | **2013** | **2014** |
| Hà Nội | 1239,2 | 1795,2 | 1801,2 | 1934,7 | 1660,6 |
| Cà Mau | 2244,4 | 2445,9 | 2153,9 | 1941,3 | 2065,7 |

*( Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, Nhà xuất bản Thống kê, 2016)*

 Theo bảng trên, nhận xét nào sau đây đúng về tổng lượng mưa tại Hà Nội và Cà Mau giai đoạn 2010 – 2014?

A. Tổng lượng mưa các năm ở Hà Nội luôn cao hơn Cà Mau.

B. Tổng lượng mưa các năm ở Hà Nội luôn thấp hơn Cà Mau.

C. Tổng lượng mưa các năm luôn tăng ở Hà Nội.

D. Tổng lượng mưa các năm luôn tăng ở Cà Mau.

**Câu 5.** Cho bảng số liệu:

**LƯU LƯỢNG NƯỚC TRUNG BÌNH SÔNG MÊ CÔNG (CỬU LONG) NĂM 2014**

*(Đơn vị: m3/s)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Sông** | **Tháng** |
| **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** |
| Mê Công  | 13570 | 6840 | 1570 | 1638 | 2920 | 10360 | 18860 | 21400 | 27500 | 29000 | 22000 | 23030 |

*( Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, Nhà xuất bản Thống kê, 2016)*

 Theo bảng trên, nhận xét nào sau đây đúng về lưu lượng nước trung bình sông Mê Công năm 2014?

A. Lưu lượng nước trung bình tháng 10 cao nhất.

B. Lưu lượng nước trung bình tháng 4 thấp nhất.

C. Lưu lượng nước trung bình tăng dần.

D. Lưu lượng nước trung bình giảm dần.

**Câu 6.** Cho bảng số liệu:

**SỰ BIẾN ĐỘNG DIỆN TÍCH RỪNG CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1943 - 2014**

*(Đơn vị: Triệu ha)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **Tổng diện tích****có rừng** | **Diện tích****rừng tự nhiên** | **Diện tích****rừng trồng** |
| 1943 | 14,3 | 14,3 | 0 |
| 2005 | 12,7 | 10,2 | 2,5 |
| 2010 | 13,4 | 10,3 | 3,1 |
| 2014 | 13,8 | 10,1 | 3,7 |

*( Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, Nhà xuất bản Thống kê, 2016)*

 Theo bảng số liệu trên, nhận xét nào sau đây đúng về sự biến động diện tích rừng của nước ta giai đoạn 1943 – 2014?

A. Tổng diện tích có rừng tăng.

B. Tổng diện tích có rừng giảm.

C. Diện tích rừng trồng tăng.

D. Diện tích rừng tự nhiên tăng.

**Câu 7.** Cho bảng số liệu:

**SỰ BIẾN ĐỘNG DIỆN TÍCH RỪNG CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1943 - 2014**

*(Đơn vị: Triệu ha)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **Tổng diện tích****có rừng** | **Diện tích****rừng tự nhiên** | **Diện tích****rừng trồng** |
| 1943 | 14,3 | 14,3 | 0 |
| 2005 | 12,7 | 10,2 | 2,5 |
| 2010 | 13,4 | 10,3 | 3,1 |
| 2014 | 13,8 | 10,1 | 3,7 |

*( Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, Nhà xuất bản Thống kê, 2016)*

 Để thể hiện sự biến động về diện tích rừng của nước ta giai đoạn 1943 – 2014, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

A. Biểu đồ miền. B. Biểu đồ tròn.

C. Biểu đồ cột chồng. D. Biểu đồ kết hợp.

**Câu 8.** Cho bảng số liệu:

**SỰ BIẾN ĐỘNG DIỆN TÍCH RỪNG CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1943 - 2014**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm** | **Tổng diện tích****có rừng****(triệu ha)** | **Độ che phủ****(%)** |
| 1943 | 14,3 | 43,0 |
| 2005 | 12,7 | 38,0 |
| 2010 | 13,4 | 39,5 |
| 2014 | 13,8 | 40,4 |

*( Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, Nhà xuất bản Thống kê, 2016)*

 Theo bảng số liệu trên, nhận xét nào sau đây đúng về sự biến động diện tích rừng của nước ta giai đoạn 1943 – 2014?

A. Tổng diện tích có rừng tăng, độ che phủ giảm.

B. Tổng diện tích có rừng giảm, độ che phủ giảm.

C. Tổng diện tích có rừng tăng, độ che phủ tăng.

D. Tổng diện tích có rừng giảm, độ che phủ tăng.

**Câu 9.** Cho bảng số liệu:

**SỰ BIẾN ĐỘNG DIỆN TÍCH RỪNG CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1943 - 2014**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **Tổng diện tích****có rừng** | **Diện tích****rừng tự nhiên** | **Diện tích****rừng trồng** | **Độ che phủ****(%)** |
| 1943 | 14,3 | 14,3 | 0 | 43,0 |
| 2005 | 12,7 | 10,2 | 2,5 | 38,0 |
| 2010 | 13,4 | 10,3 | 3,1 | 39,5 |
| 2014 | 13,8 | 10,1 | 3,7 | 40,4 |

*( Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, Nhà xuất bản Thống kê, 2016)*

 Để thể hiện sự biến động về diện tích rừng của nước ta giai đoạn 1943 – 2014, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

A. Biểu đồ miền. B. Biểu đồ tròn.

C. Biểu đồ cột chồng. D. Biểu đồ kết hợp ( cột chồng – đường).